**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN TRIẾT HỌC**

**1. THÔNG TIN TỔNG QUÁT**

**Tên học phần (tiếng Việt):** Triết học

**Tên học phần (tiếng Anh):** Philosophy

**Mã học phần:** 100409

**Mã tự quản:** 11100012

**Thuộc khối kiến thức:** Kiến thức chung

**Loại học phần:** Bắt buộc

**Đơn vị phụ trách:** Khoa Chính trị- Luật

**Số tín chỉ:** 4 (4,0)

**Phân bố thời gian:**

* Số tiết lý thuyết : 60 tiết
* Số tiết thí nghiệm/thực hành (TN/TH) : 0 tiết
* Số giờ tự học : 120 giờ

**2. THÔNG TIN GIẢNG VIÊN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và tên** | **Email** | **Đơn vị công tác** |
|  | TS. Nguyễn Thị Tường Duy | duyntt@hufi.edu.vn | Khoa Chính Trị- Luật – HUFI |
|  | TS. Phan Thị Hiên | hienpt@hufi.edu.vn | Khoa Chính Trị- Luật – HUFI |

**3. MÔ TẢ HỌC PHẦN**

Học phần **Triết học** trang bị cho học viên các kiến thức cơ bản về triết học và lịch sử triết học, về chủ nghĩa Mác – Lênin, về thế giới quan và phương pháp luận khoa học; các nội dung cơ bản về nhận thức luận, bản thể luận, các nội dung triết học về chính trị, xã hội, con ngưởi. Trên cơ sở đó, học viên có thể vận dụng kiến thức đã học để giải quyết có hiệu quả những vấn đề đặt ra trong hoạt động nhận thức và thực tiễn; hình thành ý thức tự giác, tự chủ và sáng tạo trong suy nghĩ và trong hành động.

**4. MỤC TIÊU HỌC PHẦN**

| **Mục tiêu** | **Mô tả mục tiêu** | **Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo** | **Trình độ năng lực** |
| --- | --- | --- | --- |
| G1 | Diễn giải các kiến thức cơ bản của triết học về chính trị, xã hội, con ngưởi; các nội dung cơ bản về nhận thức luận, bản thể luận, các nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử; vai trò của triết học Mác – Lênin đối với khoa học và sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay | PLO2.1 | 3 |
| G2 | Phân loại các trình độ thế giới quan:thần thoại, tôn giáo, triết học, các vấn đề về nhận thức luận, bản thể luận, phép biện chứng trong thực tế cuộc sống | PLO2.2 | 3 |
| G3 | Vận dụng các quy luật, nguyên lý, phạm trù của phép biện chứng duy vật, CNDVBC, CNDVLS trong giải quyết công việc, trong cuộc sống và phát triển những mối quan hệ xã hội của bản thân | PLO6 | 4 |
| G4 | Phác thảo kế hoạch làm việc độc lập, kết hợp được các kỹ năng khác trong việc hợp tác, làm việc nhóm để giải quyết những vấn đề trong học tập và cuộc sống khi học học phần triết học | PLO12 | 4 |

**5. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN**

Chuẩn đầu ra (CĐR) chi tiết của học phần (**\***) như sau:

| **Mục tiêu học phần** | **CĐR học phần** | **Mô tả**  *(Sau khi học xong học phần này, người học có thể)* | **Trình độ năng lực** |
| --- | --- | --- | --- |
| G1 | CLO1.1 | Phân loại các kiến thức về khái niệm và vấn đề cơ bản của triết học, sự hình thành, phát triển các tư tưởng triết học trong lịch sử | 3 |
| CLO1.2 | Diễn giải các nội dung triết học về phép biện chứng, nhận thức luận, bản thể luận | 3 |
| CLO1.3 | Diễn giải các nội dung triết học về về chính trị, xã hội, con ngưởi. | 3 |
| G2 | CLO2.1 | Áp dụng các kiến thức về trình độ thế giới quan, phép biện chứng trong việc giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tế cuộc sống | 3 |
| CLO2.2 | Giải quyết các vấn đề liên quan đến nhận thức luận, bản thể luận trong thực tế cuộc sống | 3 |
| G3 | CLO3.1 | Liên hệ các kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về chủ nghĩa duy vật biện chứng trong việc giải thích, phân tích các hiện tượng xảy ra trong tự nhiên, xã hội và tư duy. | 4 |
| CLO3.2 | Liên hệ các kiến thức cơ bản của triết học Mác – Lênin về chủ nghĩa duy vật lịch sử trong việc giải thích, phân tích các hiện tượng xảy ra trong tự nhiên, xã hội và tư duy. | 4 |
| G4 | CLO 4.1 | Lựa chọn tìm kiếm, đọc và tổng hợp các tài liệu liên quan đến học phần Triết học và những tài liệu khác để bổ sung kiến thức cho bản thân | 4 |
| CLO 4.2 | Phác thảo kế hoạch làm việc, học tập độc lập, làm việc nhóm để học tập Triết học và giải quyết những vấn đề nảy sinh trong công việc | 4 |

(**\***)*Các CĐR học phần được xây dựng dựa trên việc tham khảo Thông tư số 8/2013/TT-BGDDT ngày 8/3/2013 về ban hành chương trình môn Triết học khối không chuyên ngành triết học trình độ đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ các ngành khoa học xã hội và nhân văn.*

**6. NỘI DUNG HỌC PHẦN**

***6.1. Phân bố thời gian tổng quát***

| STT | Tên chương/bài | **Chuẩn đầu ra của học phần** | **Phân bố thời gian**  *(tiết/giờ)* | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lý thuyết** | **TN/TH** | **Tự học** |
| 1 | Chương 1. Khái luận về Triết học | CLO1.1;  CLO2.1  CLO4.1 | 8 | 0 | 16 |
| 2 | Chương 2. Bản thể luận | CLO1.2;  CLO2.2  CLO4.1 | 6 | 0 | 12 |
| 3 | Chương 3. Phép biện chứng | CLO1.3;  CLO2.1;  CLO3.1;  CLO3.2  CLO4.1 | 10 | 0 | 20 |
| 4 | Chương 4. Nhận thức luận | CLO1.2;  CLO2.2  CLO4.1 | 6 | 0 | 12 |
| 5 | Chương 5. Học thuyết Hình thái kinh tế - xã hội | CLO1.3;  CLO3.2  CLO4.1  CLO4.2 | 10 | 0 | 20 |
| 6 | Chương 6. Triết học chính trị | CLO1.3;  CLO 3.2  CLO4.1  CLO4.2 | 6 | 0 | 12 |
| 7 | Chương 7. Ý thức xã hội | CLO1.3;  CLO3.2  CLO4.1  CLO4.2 | 8 | 0 | 16 |
| 8 | Chương 8. Triết học về con người | CLO1.3;  CLO3.2  CLO4.1  CLO4.2 | 6 | 0 | 12 |
| **Tổng** | | | **60** | **0** | **120** |

***6.2. Nội dung chi tiết***

**Chương 1**

**KHÁI LUẬN VỀ TRIẾT HỌC**

**1. Triết học và vấn đề cơ bản của triết học**

a. Triết học và đối tượng của triết học

b. Vấn đề cơ bản của triết học

c. Chức năng cơ bản của triết học

**2. Sự hình thành, phát triển tư tưởng triết học trong lịch sử**

a. Những vấn đề có tính quy luật của sự hình thành, phát triển tư tưởng triết học trong lịch sử

b. Sự ra đời và phát triển của triết học phương Đông

c. Sự ra đời và phát triển của triết học phương Tây

d. Khái lược về sự ra đời và phát triển tư tưởng triết học Việt Nam thời phong kiến

**3. Triết học Mác - Lênin và vai trò của nó trong đời sống xã hội**

a. Triết học Mác – Lênin.

b. Vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội

**4. Sự kế thừa, phát triển và vận dụng sáng tạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng cộng sản Việt Nam trong thực tiễn cách mạng Việt Nam**

a. Hồ Chí Minh với việc kế thừa, vận dụng phát triển triết học Mác-Lênin

b. Sự vận dụng sáng tạo tư tưởng triết học Hồ Chí Minh của ĐCSVN trong thực tiễn cách mạng

**Chương 2**

**BẢN THỂ LUẬN**

**1. Khái niệm bản thể luận và nội dung bản thể luận trong lịch sử triết học**

a. Khái niệm bản thể luận

b. Một số nội dung cơ bản về bản thể luận trong triết học phương Đông

c. Một số nội dung cơ bản về bản thể luận triết học phương Tây

**2. Nội dung bản thể luận của triết học Mác-Lênin**

a. Cách tiếp cận giải quyết vấn đề bản thể luận trong triết học Mác – Lênin

b. Quan niệm của triết học Mác – Lênin về vật chất

c. Quan điểm của triết học Mác-Lênin về nguồn gốc và bản chất của ý thức

d. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức

**3. Mối quan hệ khách quan - chủ quan**

a. Khái niệm khách quan và chủ quan

b. Mối quan hệ biện chứng giữa khách quan và chủ quan

c. Ý nghĩa phương pháp luận đối với sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam

**Chuơng 3**

**PHÉP BIỆN CHỨNG**

**1. Khái niệm “biện chứng” và khái quát lịch sử phép biện chứng**

a. Khái niệm “siêu hình” và khái niệm “biện chứng”

b. Khái quát lịch sử phép biện chứng

**2. Những nội dung cơ bản của phép biện chứng duy vật**

a. Hai nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật

b. Các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật

c. Các quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật

**3. Những nguyên tắc phương pháp luận cơ bản của phép biện chứng duy vật và sự vận dụng trong quá trình đổi mới ở VN**

a. Nội dung các nguyên tắcphương pháp luận biện chứng duy vật

b. Sự vận dụng các nguyên tắc phương pháp luận biện chứng duy vật trong quá trình đổi mới ở Việt Nam

**Chuơng 4**

**NHẬN THỨC LUẬN**

**1. Một số vấn đề cơ bản của nhận thức luận**

a. Mục đích, bản chất, nguồn gốc của nhận thức

b. Chủ thể, khách thể và đối tượng của nhận thức

c. Về khả năng nhận thức của con người

d. Sự thống nhất và đa dạng của các kiểu tri thức

**2. Nhận thức luận duy vật biện chứng**

a. Phản ánh hiện thực khách quan - nguyên tắc nền tảng của nhận thứcluận duy vật biện chứng

b. Các giai đoạn cơ bản và biện chứng của quá trình nhận thức

c. Quan điểm biện chứng duy vật về chân lý

**3. Các hình thức, phương pháp nhận thức khoa học và đặc thù của nhận thức xã hội**

a. Các hình thức, phương pháp nhận thức khoa học

b. Đặc thù của nhận thức xã hội

c. Những nguyên tắc cơ bản của nhận thức khoa học và đặc nhận thức xã hội

d. Cách hiểu duy vật lịch sử trong nhận thức xã hội

**4. Nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn và sự vận dụng nó trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay**

a.Nội dung của nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn

b. Tư tưởng Hồ Chí Minh về thống nhất giữa lý luận và thực tiễn

c. Vận dụng nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay

**Chương 5**

**HỌC THUYẾT HÌNH THÁI KINH TẾ - XÃ HỘI**

**1. Phương pháp tiếp cận duy vật và duy tâm về xã hội**

a. Phương pháp tiếp cận duy tâm về xã hội

b. Phương pháp tiếp cận duy vật về xã hội

**2. Những nội dung cơ bản của học thuyết hình thái kinh tế - xã hội**

a. Sản xuất vật chất - nền tảng của sự vận động, phát triển xã hội

b.Biện chứng của sự phát triển lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất - quy luật cơ bản của sự vận động, phát triển các PTSX trong LS

c. Biện chứng của cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội - quy luật cơ bản của sự vận động, phát triển trong cơ cấu tổng thể của đời sống xã hội

d Cấu trúc hình thái kinh tế - xã hội và quá trình lịch sử- tự nhiên của sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội

**3. Giá trị khoa học, cách mạng của học thuyết hình thái kinh tế - xã hội và sự nhận thức về con đường đi lên CNXH ở Việt Nam**

a. Giá trị khoa học, cách mạng của học thuyết hình thái kinh tế - xã hội

b. Lí luận của CN ML về con đường đi lên CNXH

c.Vấn đề con đường đi lên CNXH ở Việt Nam

**Chương 6**

**TRIẾT HỌC CHÍNH TRỊ**

**1. Quan niệm về chính trị trong lịch sử triết học**

a. Quan niệm của triết học ngoài mácxit về chính trị

b. Quan điểm về chính trị trong triết học Mác - Lênin

c. Quan niệm đương đại về hệ thống chính trị

**2. Các phương diện cơ bản về chính trị trong đời sống xã hội**

a. Vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp

b. Dân tộc và vấn đề quan hệ giữa giai cấp với dân tộc và nhân loại

c. Nhà nước - Tổ chức đặc biệt của quyền lực chính trị

**3. Vấn đề đổi mới chính trị ở Việt Nam hiện nay**

a. Vấn đề phát huy dân chủ ở Việt Nam hiện nay

b. Vấn đề đổi mới hệ thống chính trị ở Việt Nam hiện nay

c. Vấn đề xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam hiện nay

d. Ý nghĩa của việc đổi mới chính trị đối với việc nghiên cứu, phát triển khoa học xã hội và nhân văn

**Chương 7**

**Ý THỨC XÃ HỘI**

**1. Khái niệm tồn tại xã hội, ý thức xã hội và các hình thái ý thức xã hội**

a. Khái niệm tồn tại xã hội và các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội

b. Ý thức xã hội và hai trình độ phản ánh của ý thức xã hội

c. Các hình thái ý thức xã hội

**2. Vai trò quyết định của tồn tại xã hội đối với ý thức xã hội và tính độc lập tương đối của ý thức xã hội**

a. Vai trò quyết định của tồn tại xã hội đối với ý thức xã hội

b. Tính độc lập tương đối của ý thức xã hội và vai trò của ý thức xã hội đối với tồn tại xã hội

**3. Xây dựng nền tảng tinh thần trong tiến trình cách mạng XHCN ở Việt Nam hiện nay**

a. Công cuộc xây dựng CNXH và tính tất yếu của việc xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội XHCN ở Việt Nam hiện nay

b. Một số vấn đề lí luận và thực tiễn mang ý nghĩa chiến lược trong tiến trình xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội Việt Nam hiện nay

**Chương 8**

**TRIẾT HỌC VỀ CON NGƯỜI**

**1. Khái lược các quan điểm triết học về con người trong lịch sử**

a. Quan điểm triết học ph­ương Đông về con người

b. Quan điểm triết học phương Tây tr­ước Mác về con người

**2. Quan điểm triết học Mác – Lênin về con người**

a. Khái niệm con ng­ười

b. Các ph­ương diện tiếp cận nguồn gốc, bản chất con người

c. Hiện tượng tha hoá của con người và vấn đề giải phóng con người

**3. Vấn đề con người trong tư tưởng triết học Hồ Chí Minh**

a. Quan niệm về con người

b. Con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của cách mạng và tiến bộ XH

c. Phương thức phát huy, sử dụng vai trò động lực con người

**4. Vấn đề phát huy nhân tố con người trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay**

a. Quan niệm triết học về nhân tố con người

b. Phát huy nhân tố con người trong sự nghiệp đổi mới ở VN hiện nay

**7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN**

* Thang điểm đánh giá: 10/10
* Kế hoạch đánh giá học phần cụ thể như sau:

| **Hình thức đánh giá** | **Thời điểm** | **Chuẩn đầu ra học phần** | **Tỉ lệ (%)** | **Rubric sử dụng** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Quá trình** | | | **40** |  |
| **Chuyên cần** | Suốt quá trình học | CLO 4.2 | 5 | I.1\_11 |
| **Thảo luận** | Suốt quá trình học | CLO1.1; CLO1.2; CLO1.3; CLO2.1; CLO2.2; CLO3.1; CLO3.2; CLO4.1; CLO4.2 | 15 | I.2\_11 |
| **Kiểm tra/Thuyết trình đề tài:** | Tuần 3 đến tuần 14 | CLO1.2; CLO1.3; CLO2.1; CLO2.2; CLO3.1; CLO3.2; CLO4.1; CLO4.2 | 20 | I. 4\_11 |
| **Thi cuối kỳ** | | | **60** |  |
| Nội dung bao quát tất cả các chương của học phần. Thi tự luận (2 câu); được sử dụng tài liệu | Sau khi kết thúc học phần | CLO1.1; CLO1.2; CLO1.3; CLO2.1; CLO2.2; CLO3.1; CLO3.2; CLO4.1; CLO4.2 |  | Theo thang điểm của đề thi |

**8. NGUỒN HỌC LIỆU**

***8.1. Sách, giáo trình chính***

[1] Bộ giáo dục và đào tạo, *Giáo trình Triết học (dùng trong đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ các ngành KHXH và NV không chuyên ngành triết học),* Nxb. Đại học Sư phạm, 2018.

***8.2. Tài liệu tham khảo***

[1] Bộ GD& ĐT, *Giáo trình triết học**(dùng cho học viên cao học và nghiên cứu sinh không thuộc chuyên ngành triết học khối ngành khoa học xã hội và nhân văn),* Nxb. Chính trị quốc gia, 2015.

[2] Bộ GD& ĐT, *Giáo trình triết học**(dùng cho học viên cao học và nghiên cứu sinh không thuộc chuyên ngành triết học khối ngành khoa học tự nhiên, công nghệ),* Nxb. Chính trị quốc gia, 2018.

[3] Doãn Chính, *Lịch sử tư tưởng triết học Ấn Độ cổ đại,* Nxb. Chính trị quốc gia, 2018.

[4] Nguyễn Tiến Dũng, *Lịch sử triết học Phương Tây,* Nxb. Khoa học xã hội, 2018.

[5]. Nguyễn Thế Nghĩa, *Tuyển tập triết học*, Nxb. Chính trị quốc gia sự thật, 2019.

[6]. Nguyễn Hữu Vui, *Lịch sử triết học*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004.

**9. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN**

Học viên có nhiệm vụ:

* Tham dự trên 75% giờ học lý thuyết
* Chủ động lên kế hoạch học tập:

+ Đọc trước tài liệu do giảng viên cung cấp hoặc yêu cầu

+ Ôn tập các nội dung đã học, báo cáo cụ thể cho giảng viên theo yêu cầu

* Tích cực tham gia các hoạt động thảo luận, vấn đáp trên lớp
* Hoàn thành đầy đủ, trung thực và sáng tạo các bài tập, tiểu luận theo yêu cầu
* Dự kiểm tra, thuyết trình trên lớp (nếu có) và thi cuối học phần

**10. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN**

* Phạm vi áp dụng: Đề cương này được áp dụng cho chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, khối không chuyên ngành triết học, các ngành khoa học xã hội và nhân văn.
* Giảng viên: Sử dụng đề cương học phần tổng quát này làm cơ sở để biên soạn đề cương học phần chi tiết phục vụ giảng dạy, biên soạn bộ đề thi, kiểm tra.
* Học viên: Sử dụng đề cương học phần tổng quát này làm cơ sở để biết các thông tin chi tiết về học phần, từ đó xác định nội dung học tập và chủ động lên kế hoạch học tập phù hợp nhằm đạt được kết quả mong đợi.
* Đề cương học phần tổng quát được ban hành kèm theo chương trình đào tạo và công bố đến các bên liên quan theo quy định.

**11. PHÊ DUYỆT**

**🞏** Phê duyệt lần đầu **⌧** Phê duyệt bản cập nhật lần thứ: 3

**Ngày phê duyệt:** / /20

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Trưởng khoa*** | ***Trưởng bộ môn***  Nguyễn Thị Tường Duy | ***Chủ nhiệm học phần***  Nguyễn Thị Tường Duy |